

Chúng ta đang sống và phát triển trong “thị trường thế giới”. Trong thị trường đó, sức lao động là hàng hóa.

Do đó các dịch vụ phát triển chất lượng sức lao động cũng là hàng hóa.

Tức là dịch vụ giáo dục – đào tạo cung ứng đạo đức, tri thức và kỹ năng nghề nghiệp phải là hàng hóa.

Hiện nay, nhiều nước trên thế giới đến Việt Nam lập các trường, các cơ sở liên kết đào tạo, vận động du học v.v...; các nhà đầu tư trong nước đầu tư vốn mở trường đào tạo. Họ đang hoạt động trong thị trường giáo dục – đào tạo của Việt Nam. Vậy Nhà nước Việt Nam cần khẳng định rằng giáo dục – đào tạo là một thị trường và là một thị trường đặc biệt, ở đó vai trò điều tiết của Nhà nước là đặc biệt quan trọng.

**Phát triển giáo dục và đào tạo**

Từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai đến những năm đầu thập kỷ 70 thế kỷ XX, do tiến bộ vượt bậc của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, hàng loạt các thiết bị, máy móc, qui trình tự động hóa sản xuất ra đời làm cho sản lượng sản phẩm xã hội gia tăng ở át. Các nước công nghiệp phát triển cho rằng công nghệ là yếu tố chủ yếu quyết định sự phồn vinh kinh tế. Triết lý kinh doanh coi công nghệ là trung tâm, trông cậy vào công nghệ mới được truyền bá rộng rãi. Lý thuyết tăng trưởng kinh tế ngoại sinh ra đời. Lý thuyết này cho rằng tiền vốn, lao động kết hợp với công nghệ như là một yếu tố ngoại sinh sẽ làm tăng trưởng kinh tế trong lâu dài. Họ ít chú trọng đến nguồn nhân lực, họ chỉ coi công nhân như là một yếu tố của hao phí sản xuất và là một yếu tố bất định. Từ đó họ tập trung toàn lực cho đổi mới trang thiết bị và sản phẩm mà vẫn giữ nguyên tổ chức lao động truyền thống. Thực tế, triết lý này chỉ áp dụng được trong thời kỳ đầu. Về sau, tỉ lệ tăng trưởng sản lượng trên mỗi công nhân giảm đi đáng kể.

**Bảng 1: Tỉ lệ tăng trưởng sản lượng trên mỗi công nhân ở năm nước giàu trong giai đoạn 1950 – 1987 (%)**

Nước	Pháp	Đức	Nhật	Anh	Hoa Kỳ	Trung bình
Giai đoạn						
1950-1973	4,0	4,9	8,0	2,5	2,2	4,3
1973-1987	1,8	2,1	3,1	1,8	1,6	2,1
Sụt giảm	-2,2	-2,8	-4,9	-0,7	-0,6	-2,2

Nguồn: Dynamic Forces in Capitalist Development, New York, Oxford University Press, 1991

Từ thập kỷ 90 thế kỷ XX, các ngành phát triển mạnh đều là các ngành dựa trên sức mạnh của trí tuệ – nguồn nhân lực có tri thức – như vi điện tử, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin v.v... Điều này làm thay đổi triết lý kinh

# Phát triển nguồn nhân lực trong điều kiện mới

NGUYỄN HOÀNG THỤY

doanh từ quan niệm lấy công nghệ làm trung tâm chuyển sang lấy con người làm trung tâm, ưu tiên con người ở các khía cạnh tri thức, trình độ chuyên môn và động cơ lao động. Lý thuyết tăng trưởng kinh tế nội sinh khẳng định rằng vốn vật chất và vốn nhân lực là hai nhập lượng sản xuất quyết định sự tăng trưởng kinh tế, trong đó vai trò của vốn nhân lực là quyết định.

Vốn nhân lực do giáo dục – đào tạo mà có. Phát triển nguồn nhân lực thực chất là phát triển chất lượng nguồn nhân lực, là phát triển giáo dục – đào tạo. Trong xu thế toàn cầu hóa, các nước phát triển xem nguồn nhân lực là yếu tố cốt tử trong cạnh tranh thế giới, và phát triển nguồn nhân lực là mục tiêu hàng đầu của phát triển.

**Quan hệ giữa nguồn nhân lực với tăng trưởng kinh tế**

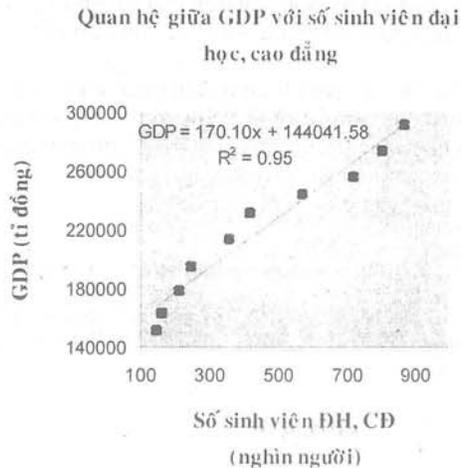
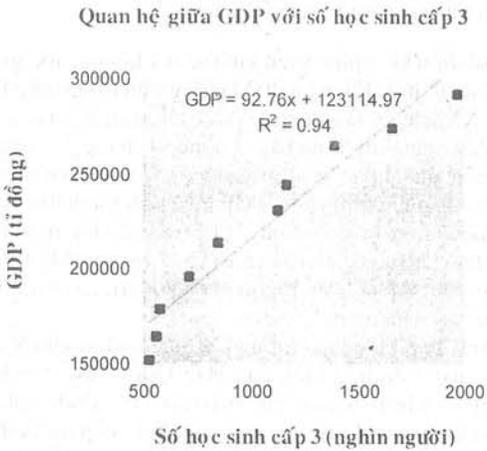
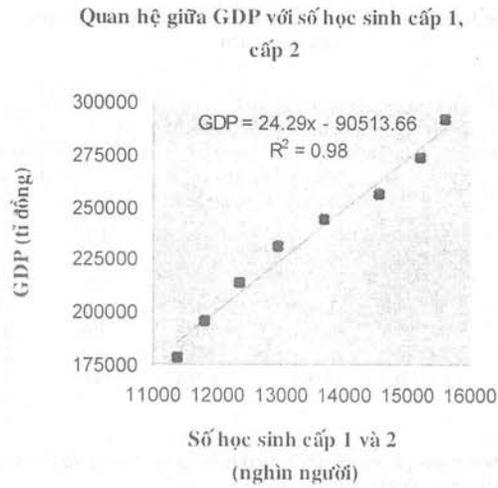
I. N. Birdsall, D. Ross và R. Sabot nghiên cứu về mối tương quan giữa giáo dục – đào tạo, bất bình đẳng trong gia đình với tăng trưởng kinh tế ở 74 nước có thu nhập thấp và trung bình trong giai đoạn 1960 đến 1985 đã đưa ra kết luận công bố năm 1997 là: Nếu tăng tỉ lệ học sinh tiểu học lên 1% thì tổng giá trị sản phẩm trong nước GDP sẽ tăng 0,62% ; và nếu tăng tỉ lệ học sinh trung học lên 1% thì GDP sẽ tăng 0,34% [1]

2. Nghiên cứu mối quan hệ này ở Việt Nam trong thời kỳ từ 1990 đến 2001 cho ta kết quả như sau (bảng 2 và hình 1)

**Bảng 2: Tương quan giữa GDP với số học sinh và sinh viên ở Việt Nam giai đoạn 1990 – 2001**

Các tương quan	Hệ số tương quan (R)	Hệ số quyết định (R <sup>2</sup> )	Hàm tương quan tuyến tính
(1) GDP với số học sinh tiểu học và trung học cơ sở (x <sub>1</sub> )	0,99	0,98	GDP = - 90.513,66 + 24,29x <sub>1</sub>
(2) GDP với số học sinh cấp 3 (x <sub>2</sub> )	0,97	0,94	GDP = 123.114,97 + 92,76x <sub>2</sub>
(3) GDP với số sinh viên đại học, cao đẳng (x <sub>3</sub> )	0,98	0,95	GDP = 144.041,58 + 170,10x <sub>3</sub>

Hình 1: Đồ thị tương quan tuyến tính của GDP với (a) số học sinh tiểu học và trung học cơ sở, (b) trung học phổ thông, (c) sinh viên đại học cao đẳng



Ghi chú

Độ trễ giữa GDP so với (1) số học sinh tiểu học và trung học cơ sở là 4 năm, (2) trung học phổ thông và (3) sinh viên đại học, cao đẳng là 2 năm.

Từ các kết quả trình bày ở bảng 2 và hình 1 rút ra một số nhận xét sau đây :

$R_{(1)} = 0.99$  ;  $R_{(2)} = 0.97$  ;  $R_{(3)} = 0.98$  cho thấy tương quan giữa GDP với giáo dục – đào tạo là rất chặt chẽ.

$R^2_{(1)} = 0.98$  ;  $R^2_{(2)} = 0.94$  ;  $R^2_{(3)} = 0.95$  cho thấy mô hình đã chọn giải thích được 98% , 94% và 95% độ phân tán quan sát được trên GDP.

Các phương trình ở bảng 2 và đồ thị ở hình 1 cho thấy GDP phụ thuộc tuyến tính vào giáo dục – đào tạo.

Từ kết quả nghiên cứu, ta rút ra các kết luận sau:

Mô hình đã chọn để nghiên cứu có mối tương quan giữa GDP và số lượng học sinh, sinh viên rất hợp lý.

Độ chính xác của mô hình rất cao, đến 97% , 98% , 99% nên có thể sử dụng các phương trình tuyến tính để dự báo cho những năm sau này.

Giáo dục – đào tạo cung cấp tri thức, kỹ năng nghề nghiệp và tính nhân bản cho người lao động, tức là phát triển nguồn nhân lực. Nguồn nhân lực phát triển nâng cao năng suất lao động xã hội và tăng trưởng kinh tế. Đến lượt mình, thu nhập quốc dân gia tăng sẽ cải thiện đời sống vật chất, văn hóa, y tế, giáo dục cho nhân dân. Trong thời đại ngày nay, Giáo dục – đào tạo là nguyên nhân chính thúc đẩy phát triển kinh tế.

### Một số đề nghị

#### 1. Các quan điểm mới

1.1 Lý thuyết “bàn tay vô hình” điều tiết sự phát triển nền kinh tế của Adam Smith được kết thúc bởi đại khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933. Lý thuyết “Nhà nước can thiệp vào nền kinh tế” của Keynes ra đời sau đó và phát triển cực thịnh vào những năm 70 của thế kỷ XX. Từ những năm 90 thế kỷ XX đến nay xuất hiện lý thuyết “Một cái đầu vô hình” điều tiết sự phát triển kinh tế. Có nghĩa là nhà nước, bằng trí tuệ của mình, quản lý nền kinh tế thông qua các chính sách kinh tế – xã hội. Giáo dục – đào tạo là một lĩnh vực của nền kinh tế, do đó nhà nước điều tiết nền giáo dục cũng bằng “Một cái đầu vô hình”; tức là thông qua các chính sách sao cho phát huy tối đa trí tuệ, sự sáng tạo và năng lực của những người làm giáo dục – đào tạo cũng như của tất cả các đối tượng có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Nhà nước tuyệt đối không can thiệp vào những công việc cụ thể, làm thay cho các đơn vị trực tiếp làm giáo dục – đào tạo.

1.2 Chúng ta đang sống và phát triển trong “thị trường thế giới”. Trong thị trường đó, sức lao động là hàng hóa. Và do đó các dịch vụ phát triển chất lượng sức lao động cũng là hàng hóa. Tức là dịch vụ giáo dục – đào tạo cung ứng đạo đức, tri thức và kỹ năng nghề nghiệp phải là hàng hóa. Hiện nay, nhiều nước trên thế giới đến Việt Nam lập các trường, các cơ sở liên kết đào tạo, vận động du học v.v; các nhà đầu tư trong nước đầu tư vốn mở trường đào tạo. Họ đang hoạt động trong thị trường giáo dục – đào tạo của Việt Nam. Vậy Nhà nước Việt Nam cần khẳng định rằng giáo dục – đào tạo là một thị trường và là một thị trường đặc biệt, ở đó vai trò điều tiết của Nhà nước là đặc biệt quan trọng.

1.3 Học tập là để hiểu biết, để làm việc, để chung sống và để khẳng định mình. Giáo dục – đào tạo một con người là

trang bị cho họ đạo đức, tri thức và năng lực nghề nghiệp đủ để họ cung ứng sức lao động có chất lượng cho xã hội bằng con đường tìm việc làm ở các doanh nghiệp có sẵn hoặc tự mình hoặc cùng với đồng đội đứng ra lập doanh nghiệp mới để cung ứng việc làm cho xã hội. Đồng thời, người có học thức biết khai thác có hiệu quả hệ thống phúc lợi xã hội cho sự phát triển con em của họ; biết tổ chức cuộc sống hòa bình và thân ái hơn. Vì vậy, Nhà nước hủy bỏ cơ chế xin-cho hiện nay hạn chế sự học hỏi của dân chúng mà cần tạo ra một cơ chế mới để mọi thành viên của xã hội ai cũng có cơ hội học tập và học tập suốt đời.

1.4 Từ triết lý lấy công nghệ làm trung tâm chuyển sang triết lý lấy con người làm trung tâm kéo theo “một cuộc cách mạng về tư duy” trong giáo dục – đào tạo. Nếu trước đây các nước chú trọng về kỹ năng nghề nghiệp, tập trung giáo dục – đào tạo công nhân lành nghề, “công nhân áo xanh”, thì ngày nay chú trọng đến tri thức, tập trung giáo dục – đào tạo “công nhân áo trắng” để thay thế “công nhân áo xanh”. Vì vậy, các nước phát triển tập trung đào tạo trình độ đại học, cao đẳng. Trong xu thế đó, Việt Nam cần tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đủ sức tiếp nhận công nghệ tiên tiến nhập ngoại để việc trở thành thành viên WTO là niềm hạnh phúc của nhân dân chứ không phải là điều bất hạnh. Có nghĩa là Việt Nam cần có chính sách và giải pháp thúc đẩy giáo dục đại học phát triển mạnh về qui mô và chất lượng.

**2. Đẩy mạnh tốc độ phát triển nguồn nhân lực**

Vì chúng ta đồng thời phải đi những bước tuần tự và cả những bước nhảy vọt nên trong giáo dục – đào tạo phát triển nguồn nhân lực cũng vậy. Bên cạnh “bước đi nhảy vọt” là đẩy mạnh giáo dục đại học, chúng ta phải đi những bước tuần tự là chú ý thúc đẩy giáo dục phổ thông và trước phổ thông.

Theo tiêu chuẩn năm 1995 của Ngân hàng thế giới, Việt Nam được xếp vào nhóm các quốc gia nghèo đói (các nước có GDP bình quân đầu người nhỏ hơn 765 USD). Sáu năm sau, vào năm 2001, GDP bình quân của chúng ta chưa vượt được con số 400 USD. Có nghĩa là con đường phấn đấu của chúng ta còn quá gian nan. Nếu 40 năm trước đây các nước Đài Loan, Hàn Quốc chỉ chịu một thách thức lớn là đói nghèo thì ngày nay chúng ta còn chịu thêm một thách thức lớn thứ hai là toàn cầu hóa. Chúng ta quyết tâm thắng thời gian trong việc biến toàn cầu hóa thành cơ hội phát triển. Nếu không, chính nó sẽ nô dịch dân tộc ta, chúng ta sẽ trở thành người làm thuê cho ngoại bang ngay trên Tổ quốc mình.

Vì lẽ đó mà chúng ta phải rút ngắn thời gian phổ cập giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông còn bằng khoảng một nửa của Đài Loan và Hàn Quốc. Ở Hàn Quốc, cuối thập kỷ 50, phổ cập tiểu học; đầu thập kỷ 80, phổ cập trung học cơ sở (THCS) với 96% học sinh tốt nghiệp tiểu học vào THCS; đầu thập kỷ 90, phổ cập trung học phổ thông (THPT) với 95,7% học sinh tốt nghiệp THCS vào THPT; khoảng 5 năm sau (1998 – 1999), 83,7% học sinh tốt nghiệp THPT vào đại học và cao đẳng. Cụ thể là:

- Về giáo dục phổ thông: Chúng ta hoàn thành phổ cập THCS vào năm 2010 với 95% số học sinh tốt nghiệp THCS vào THPT và hoàn thành phổ cập THPT vào năm 2015 với 70% số học sinh tốt nghiệp THPT vào học đại học và cao

đẳng.

- Về giáo dục đại học: Chúng ta phân tích bằng 3 dưới đây

**Bảng 3: Một số chỉ tiêu dự báo kinh tế – xã hội Việt Nam đến năm 2020**

Các chỉ tiêu	GDP (tỉ đồng) (a)	Dân số (nghìn người) (b)	Sinh viên ĐHL, CĐ (nghìn người) (c)	SV/10.000 dân (d)	Đề nghị số SV/10.000 dân (e)
	theo giá năm 1994			d = c/b	
2001	292.295	71.815	872	112	
2002	312.756	78.734	992	126	
2003	334.649	79.749	1.121	140	190
2004	358.074	80.843	1.258	156	212
2005	383.139	81.860	1.406	172	233
2010	537.372	86.353	2.312	268	364
2015	753.692	91.278	3.584	393	533
2020	1.057.092	95.762	5.368	560	760

Chủ tịch

(a) GDP tính theo gốc năm 1999 lấy ở niên giám thống kê 2000 với tỉ lệ tăng trưởng hàng năm 7% [2]

(b) Dân số tính theo phương án trung bình [3]

(c) Sinh viên đại học và cao đẳng tính theo phương trình tương quan tuyến tính vừa được trình bày ở mục 2

Giả sử điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của thế giới và Việt Nam từ nay đến năm 2020 giống như trong thập kỷ 90 thế kỷ XX, chúng ta tính toán được chỉ tiêu đào tạo đại học, cao đẳng như vừa trình bày ở dòng (d) bảng 3. Nhưng thực tế không phải như vậy. Ngày nay tốc độ phát triển của khoa học công nghệ như vũ bão, áp lực cạnh tranh thế giới trong xu thế toàn cầu hóa rất quyết liệt để tiến tới một nền kinh tế tri thức dự báo sẽ bắt đầu vào khoảng năm 2030, đòi hỏi nền giáo dục đại học Việt Nam phải phát triển với tốc độ lớn hơn thời kỳ vừa qua.

So sánh điều kiện phát triển giáo dục đại học của Việt Nam ngày nay với điều kiện của Hàn Quốc vào 40 năm trước, Việt Nam hoàn toàn có thể rút ngắn bước đường phát triển giáo dục, trong đó có giáo dục đại học, còn một nửa. Tức là vào năm 2015 nền giáo dục Việt Nam ngang bằng với nền giáo dục Hàn Quốc vào năm 1996. Như vậy số sinh viên trên một vạn dân của Việt Nam vào 2015 sẽ là 533 người. Và từ đây ta tính toán số sinh viên trên một vạn dân vào các năm từ nay đến năm 2020 như được đề nghị tại dòng (e) bảng 3.

Đẩy mạnh tốc độ phát triển nguồn nhân lực là yếu tố quyết định sự thành công của Việt Nam trên con đường công nghiệp hóa- hiện đại hóa, hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu hóa ngày nay và nền kinh tế tri thức ngày mai ■

**Tài liệu tham khảo**

1. Tạp chí Tia sáng, số 2/2001
2. Tổng cục thống kê, Niên giám thống kê 2000, NXB Thống kê, Hà Nội, 2001.
3. Tổng cục thống kê, Dự án VIE/97/P14: Báo cáo kết quả dự báo dân số Việt Nam, 1999– 2024, NXB Thống kê, Hà Nội, 2000